TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17/03/2020
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
-Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hùng

2. Bà Đình Thị Thanh Hải

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Nga - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 17 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 449/2019/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 04/TB - TA ngày 02 tháng 03 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1976
Địa chỉ: Tổ 07 (tổ 33 cũ), phường N, thành phố Y, tỉnh Y ; Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Trần Đắc D, sinh năm 1968
Nơi ĐKHKTT: Tổ 07 (tổ 33 cũ), phường N, thành phố Y, tỉnh Y; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 12 năm 2019, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị M và anh Trần Đắc D đăng ký kết hôn ngày 14/12/1995 tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Y, tỉnh Y trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do sự khác biệt về tính cách, dẫn đến bất đồng quan điểm sống, anh D bỏ đi làm ăn ở xa, ít khi về nhà, không quan tâm đến chị. Mâu thuẫn đã được vợ chồng và hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng không thành, chị và anh D đã sống ly thân từ đầu năm 2014, không còn quan tâm đến nhau.Chị M xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn với anh Trần Đắc D.

* Về con chung: Chị M và anh D có 01 con chung là Trần Việt Đ, sinh ngày 31/8/1996, đã thành niên, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về chia tài sản, nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Đắc D vắng mặt. Từ khi thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử sơ thẩm, Tòa án đã triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh D, nhưng anh D cố tình lẩn tránh, không đến làm việc, cũng không giao nộp cho Tòa án bất cứ văn bản, tài liệu gì thể hiện ý kiến của anh đối với việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị M có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Đắc D, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn". Anh Trần Đắc D có hộ khẩu thường trú tại tổ 07 (tổ 33 cũ), phường N, thành phố Y, tỉnh Y. Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Đắc D vắng mặt. *Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật TTDS 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.*

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị M và anh Trần Đắc D được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 14/12/1995 tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Y, tỉnh Y là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị M trình bày là do sự khác biệt về tính cách, dẫn đến bất đồng quan điểm sống, anh D bỏ đi làm ăn xa, ít khi về nhà, không quan tâm đến chị; mâu thuẫn đã được vợ chồng và gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2014, không còn quan tâm đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh D đến hòa giải, nhưng anh D không đến, thể hiện anh D không có thiện chí hoà giải. Từ đó, có căn cứ cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng của chị M, anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị M là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị M và anh D có 01 con chung là Trần Việt Đ, sinh ngày 31/8/1996, đã trưởng thành, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về chia tài sản, nợ chung: Chị M không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Trần Đắc D.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số AA/2017/0005210 ngày 09/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái. Xác nhận chị M đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Đắc D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự (02);
- VKSND thành phố Yên Bái;
- Chi cục THADS thành phố Yên Bái;
- UBND p.Y, tp Yên Bái, tỉnh Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, TA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thủy